

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Issued in association with Circular 98/2020/TT-BTC on 16 November 2020 of Ministry of Finance)

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE CERTIFICATE

Ngày báo cáo: 07/11/2025 / Reporting date: 07 Nov 2025

- 1 **Công ty Quản lý Quỹ:** Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Fund Management Company: KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd
- 2 **Ngân hàng Giám sát:** Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
Supervising bank: Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam
- 3 **Tên Quỹ:** QUỸ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT - Mã chứng khoán: FUEKIVFS
Fund name: KIM GROWTH VNFINSELECT ETF - Securities symbol: FUEKIVFS
- 4 **Kỳ báo cáo:** Từ ngày 31/10/2025 đến ngày 06/11/2025
Reporting Date: From date 31 Oct 2025 to date 06 Nov 2025

Đơn vị tính/Currency: VNĐ

STT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	Mã số Item No	KỲ BÁO CÁO THIS PERIOD 06/11/2025	KỲ TRƯỚC LAST PERIOD 30/10/2025
A	Giá trị tài sản ròng/ Net asset value	2100		
A.1	Giá trị đầu kỳ/ Opening balance	2101		
	Của quỹ/ of fund	2101.1	300.563.114.681	304.360.089.087
	Của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot	2101.2	1.799.779.129	1.822.515.503
	Của một chứng chỉ quỹ/ per certificate	2101.3	17.997,79	18.225,15
A.2	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ/ Closing balance	2102		
	Của quỹ/ of fund	2102.1	290.789.881.543	300.563.114.681
	Của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot	2102.2	1.741.256.775	1.799.779.129
	Của một chứng chỉ quỹ/ per certificate	2102.3	17.412,56	17.997,79
A.3	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ, trong đó	2103		
	Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của quỹ trong kỳ	2103.1	(9.773.233.138)	(3.796.974.406)
	Thay đổi do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ trong kỳ	2103.2		
	Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong	2103.3		
A.4	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ so với kỳ trước	2104	(585,23)	(227,36)
A.5	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất	2105		
	Giá trị cao nhất/ Highest value (VND)	2105.1	393.768.106.263	393.768.106.263
	Giá trị thấp nhất/ Lowest value (VND)	2105.2	272.859.736.032	272.859.736.032
A.6	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng với quỹ niêm yết)	2106		
	Số lượng chứng chỉ quỹ/ Number of Fund Certificates	2106.1		
	Tổng giá trị/ Total value	2106.2		
	Tỷ lệ sở hữu/ Ownership ratio	2106.3		
B	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo)	2107		
B.1	Giá trị đầu kỳ/ Opening balance	2108	18.180	18.310
B.2	Giá trị cuối kỳ/ Closing balance	2109	18.010	18.180
B.3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước	2110	(170)	(130)
B.4	Chênh lệch giữa giá thị trường của một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản	2111		
	Chênh lệch tuyệt đối/ Absolute variance (VND)	2111.1	597,44	182,21
	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+)) Relative	2111.2	3,43%	1,01%
B.5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất	2112		
	Giá trị cao nhất/ Highest value (VND)	2112.1	20.410	20.410
	Giá trị thấp nhất/ Lowest value (VND)	2112.2	12.150	12.150

Đại diện có thẩm quyền của Ngân Hàng Giám Sát
Authorised Representative of Supervisory Bank



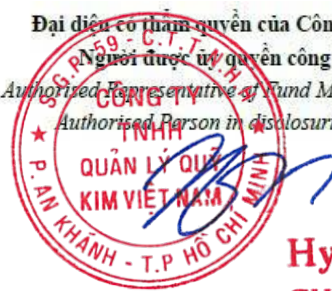
NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

TRƯỞNG TRUNG TÂM

Võ Trí Thành

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ

Người được ủy quyền công bố thông tin
Authorised Representative of Fund Management Company
Authorised Person in disclosing information



CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM

Hyun Dongsik
CHỦ TỊCH HĐQT